

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 18/2020/DS-PT

Ngày 14-5-2020

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Sơn

Các Thẩm phán: Bà Đặng Hồ Điệp

Ông Đặng Minh Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Hồng Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng: Ông Hà Văn Dồn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 12 và 14 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2020/TLPT-DS ngày 13 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2019/DS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 55/2020/QĐ-PT ngày 19 tháng 03 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2020/QĐ-PT ngày 22 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Chí K; cư trú tại: Số nhà x, phố T, Tổ 1, Khu 3, Phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần T; địa chỉ trụ sở: Lô CN, khu Công nghiệp N, huyện T, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Đăng Kh – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư A - Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng; trụ sở: Số Y đường Q, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng là người đại diện theo ủy quyền (được uỷ quyền theo văn bản ngày 02 tháng 01 năm 2019); có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Mạnh H; cư trú tại: Số Z, đường L, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Tiến L; cư trú tại: Xưởng L, thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3. Ông Đào Trọng C; cư trú tại: Số nhà Z đường P, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị L; địa chỉ: Công ty Cổ phần T - Lô CN, khu Công nghiệp N, huyện TN, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L: Ông Nguyễn Đăng Kh – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư A - Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng; trụ sở: Số Y đường Q, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng là người đại diện theo ủy quyền (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 02 năm 2019); có mặt.

- *Người kháng cáo:* Công ty Cổ phần T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trình bày và yêu cầu của nguyên đơn : Theo thỏa thuận vay vốn số 140911/TTVV ngày 06/9/2011, ông Nguyễn Chí K cho Công ty Cổ phần T (sau đây viết tắt là Công ty) vay tổng số tiền là 3.720.000.000 đồng, thời gian cho vay tối đa 03 tháng/lần kể từ ngày bên vay nhận được tiền, lãi suất tiền vay 6%/tháng, thời hạn trả lãi vào cuối kỳ thanh toán, mục đích sử dụng tiền vay phục vụ vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh, giải ngân bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của bên vay, trường hợp chuyển khoản thì phí chuyển tiền do bên vay chịu. Nguyên đơn đã 09 lần cho bị đơn vay tiền, cụ thể: Lần 1, ngày 12/9/2011, số tiền 750.000.000 đồng. Lần 2, ngày 15/9/2011, số tiền 400.000.000 đồng. Lần 3, ngày 29/9/2011, số tiền 300.000.000 đồng. Lần 4, ngày 04/10/2011, số tiền 500.000.000 đồng. Lần 5, ngày 06/10/2011, số tiền 200.000.000 đồng. Lần 6, ngày 07/10/2011, số tiền 500.000.000 đồng. Lần 7, ngày 08/10/2011, số tiền 500.000.000 đồng. Lần 8, ngày 28/10/2011, số tiền 250.000.000 đồng. Lần 9, ngày 14/11/2011, số tiền 320.000.000 đồng. Tổng số tiền nguyên đơn cho bị đơn vay là 3.720.000.000 đồng. Đến hạn trả nợ, bị đơn không trả được nợ. Ngày 10/10/2012 hai bên đối chiếu công nợ theo Biên bản đối chiếu công nợ tính đến hết ngày 10/10/2012, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 1.477.200.000 đồng và tiền lãi vay là 84.793.000 đồng. Nguyên đơn đã nhiều lần đề nghị bị đơn trả nợ, nhưng bị đơn mới chỉ trả được một phần lãi vay. Ngày 28/2/2013 bị đơn có Công văn số 280213/CV-SB đề nghị sẽ thanh toán tiền lãi với mức lãi suất bằng 150% lãi suất ngân hàng tương đương 2%/tháng. Ngày 05/4/2013 hai bên có đối chiếu công nợ, bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 1.477.200.000 đồng, nợ lãi tháng 1,2,3 năm 2013 là 241.170.000 đồng. Công văn số 0602151/CV-TSB ngày 06/02/2015 bị đơn xác nhận nợ gốc 1.477.200.000 đồng, nợ lãi là 241.170.000 đồng tại biên bản đối chiếu ngày 05/4/2013 và đề nghị các lần thanh toán lãi được tính vào nợ gốc và điều chỉnh

lãi suất về mức 2%/tháng. Bị đơn đã trả nhiều lần được số tiền 886.500.000 đồng vào tiền lãi, trả lần cuối cùng ngày 18/7/2016 và từ đó đến nay bị đơn không trả. Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu: Bị đơn trả số tiền nợ gốc là 1.477.200.000 đồng; số tiền lãi tính đến ngày Toà tuyên án theo thoả thuận vay vốn số 140911/TTVV ngày 06/09/2011 và số tiền lãi phát sinh kể từ thời điểm sau ngày Toà tuyên án cho đến khi bị đơn thanh toán xong toàn bộ số nợ trên.

Trình bày của bị đơn: Ngày 06/9/2011, ông Lê Mạnh H nguyên Tổng giám đốc của Công ty đã ký thỏa thuận vay vốn với ông Nguyễn Chí K (là cháu gọi ông Lê Mạnh H là cậu ruột) với lãi suất 6%/tháng tương đương với 72%/năm mà chưa xin ý kiến Hội đồng quản trị và là lãi suất cao đã vi phạm khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005. Đến ngày 10/10/2012, ông Lê Mạnh H và ông Nguyễn Chí K tự ký với nhau một bản chốt công nợ ghi bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 1.477.200.000 đồng và nợ tiền lãi còn là 84.793.000 đồng. Con số này không có bảng kê số liệu bút toán dòng tiền đối chiếu để chứng minh số này là đúng và xuất phát từ đâu mà có số chốt nợ này. Ngày 05/10/2012, ông Lê Mạnh H có đơn xin từ chức và chuyển giao chức danh Tổng giám đốc cho ông Nguyễn Tiến L. Ngày 18/10/2014, ông Nguyễn Tiến L có đơn xin từ chức và tiếp tục bàn giao lại quyền và nghĩa vụ Tổng giám đốc cho ông Đào Trọng C. Ngày 18/09/2017, ông Đào Trọng C lại bàn giao cho ông Nguyễn Văn Đ làm Tổng giám đốc. Trong suốt thời gian thay đổi Tổng giám đốc Công ty vẫn có hoạt động trả tiền tôn trọng kế thừa theo biên bản chốt nợ ngày 10/10/2012 cho ông Nguyễn Chí K. Ngày 13/8/2016, ông Nguyễn Chí K đến đưa cho ông Đào Trọng C một biên bản yêu cầu chốt công nợ không hề có số liệu đối chiếu mà lại yêu xác nhận nợ gốc là 1.477.200.000 đồng, cộng thêm lãi vay là hơn 1,8 tỷ đồng, do không có căn cứ kế thừa nên ông Đào Trọng C đã không ký. Công ty thấy không minh bạch về dòng tiền nên đã dừng trả và đã báo cáo Hội đồng quản trị, yêu cầu phòng Kế toán Tài chính đơn phương thống kê lại toàn bộ nhật ký dòng tiền có quan hệ vay trả giữa nguyên đơn và bị đơn thì thấy rằng: Tổng số dư nợ của ông Nguyễn Chí K là 3.719.828.400 đồng và dư trả ông Nguyễn Chí K là 4.220.496.400 đồng, như vậy là dư trả hơn 500.668.000 đồng. Biên bản đối chiếu nhận nợ ngày 10/10/2012 được ký giữa ông Lê Mạnh H với ông Nguyễn Chí K không có bảng kê chi tiết tính lãi mà buộc những người tiếp quản và kế thừa quyền và nghĩa vụ sau này phải đương nhiên công nhận số gốc này để tính tiếp về sau là không minh bạch và không công bằng vì về nguyên lý khi tất toán nợ gốc và lãi vay nó phải được tính toán bằng một phép nhân (gọi là bảng kê tính lãi) để căn cứ vào đó chứng minh rằng phép tính đã được áp dụng đúng và có căn cứ như thế nào mới có được con số 1.477.200 đồng nợ gốc đó. Quan điểm của Công ty đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chí K như sau: Hợp đồng vay vốn ngày 06/09/2011 giữa Công ty và ông Nguyễn Chí K vô hiệu về mặt hình thức do vi phạm Luật Doanh nghiệp (do không thông qua Hội đồng quản trị trước khi

vay) vi phạm Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 về lãi suất nên phải được xử lý theo khoản 1 và khoản 2 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005. Biên bản đối chiếu công nợ ngày 10/10/2012 có sự sai lệch. Thực tế đến ngày 11/10/2012, bên Công ty đã trả cho ông Kiên số nợ gốc là 3.333.996.400 đồng và còn lại 385.832.000 đồng nợ gốc. Yêu cầu ông Nguyễn Chí K chứng minh số liệu từ đâu mà tồn tại số tiền nợ gốc là 1.477.200.000 đồng tại biên bản chốt nợ ngày 10/10/2012. Đề nghị Tòa xem xét áp dụng mức lãi suất theo Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 kể từ khi phát sinh hành vi vay mượn đến nay trên cơ sở lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước ban hành tại thời điểm.

Trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Mạnh H: Ông nguyên là Tổng Giám đốc Công ty trước ngày 15/10/2012. Năm 2010, Công ty mới thành lập nên gặp rất nhiều khó khăn. Các tổ chức tín dụng thắt chặt giải ngân và cho vay nên nguồn tài chính để duy trì sản xuất, chi tiền lương và trả nợ vay Ngân hàng hết sức eo hẹp. Chủ trương của Hội đồng quản trị đã đồng ý giao ban điều hành huy động thêm nguồn vốn của các cán bộ công nhân viên, người nhà cán bộ công nhân viên nếu ai có điều kiện sẽ huy động. Ngoài món vay của cháu ông Lê Mạnh H là anh Nguyễn Chí K thì còn có ông C là Trưởng phòng Kỹ thuật, ông Ch là Trưởng ban kiểm soát và một vài người nhà ông Th là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty. Khoản vay của ông Nguyễn Chí K do ông Nguyễn Tiến L, lúc đó là Trưởng phòng kế toán lập và trình ông ký trong văn bản Thỏa thuận cho vay vốn số 140911/TTVV được ký giữa Công ty với ông Nguyễn Chí K ngày 06/09/2011. Ngày 12/10/2011, ông bàn giao cho ông Nguyễn Tiến L là Tổng Giám đốc kế nhiệm, có bà Đinh Thị H là Chủ tịch Hội đồng quản trị và ông Nguyễn Văn Chiến là Trưởng ban Kiểm soát của Công ty chứng kiến. Trong biên bản bàn giao bao gồm bản kê chi tiết dự kiến công nợ và đề xuất thanh toán ngày 10/10/2012 đính kèm, trong đó có món nợ gốc phải trả cho ông Nguyễn Chí K là 1.477.200.000 đồng. Các số liệu về món vay của ông Nguyễn Chí K và các số liệu công nợ phải trả cũng đã được xác nhận trên báo cáo tài chính trình Đại hội cổ đông ngày 26/5/2012 và cũng đã được Đại Hội đồng cổ đông thông qua trong Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 26/5/2012.

Trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Tiến L: Ông nguyên là Kế toán trưởng của Công ty từ tháng 6 năm 2010 đến ngày 10/10/2012 và nguyên là Tổng Giám đốc của Công ty từ ngày 11/10/2012 đến ngày 25/10/2014. Năm 2009, Công ty được thành lập và đi vào hoạt động. Tuy nhiên do là công ty mới, sản phẩm và thị trường mới nên Công ty gặp rất nhiều khó khăn và luôn ở trong tình trạng kinh doanh thua lỗ, nguồn thu không đủ bù đắp các khoản chi (điều này được thể hiện trên các báo cáo tài chính hàng năm của công ty). Năm 2011, năm 2012, để duy trì hoạt động của Công ty, ban điều hành huy động thêm vốn từ các nguồn khác nhau trong đó huy động vốn của các cán bộ công nhân viên, người nhà cán bộ công nhân viên trong Công ty và món

vay của ông Nguyễn Chí K cũng là một trong các khoản vay đó. Trước tháng 10 năm 2012, ông giữ chức vụ kế toán trưởng của Công ty và có trách nhiệm hướng dẫn kế toán viên ghi chép, hạch toán các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh để lập báo cáo theo quy định của pháp luật cũng như sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty. Cuối năm 2011, ông được ông Lê Mạnh H yêu cầu giao dịch với ông Nguyễn Chí K để lập hợp đồng vay vốn giữa Công ty với ông Nguyễn Chí K, toàn bộ nội dung vay vốn được thể hiện tại văn bản Thỏa thuận cho vay vốn số 140911/TTVV được ký giữa Công ty với ông Nguyễn Chí K ngày 06/09/2011, quá trình vay trả được thể hiện trên sổ sách của Công ty. Số tiền gốc vay và lãi suất các khoản vay của các cá nhân và cán bộ công nhân viên trong Công ty (cũng như khoản vay của ông Nguyễn Chí K) được Tổng giám đốc quyết định để thực hiện. Từ ngày 11/10/2012, ông đảm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc và là người kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc cũ để lại trong đó có khoản vay của ông Nguyễn Chí K với số tiền nợ gốc là 1.477.200.000 đồng và số tiền nợ lãi phải trả là 84.793.000 đồng. Sau khi tiếp nhận, ông đã hệ thống và cơ cấu lại các khoản vay. Ông đã làm việc với tất cả các ngân hàng, tổ chức tín dụng, các cá nhân để xin giãn nợ, khoan nợ, giảm lãi suất và yêu cầu được trả gốc trước để Công ty có cơ hội kinh doanh để có nguồn trả nợ dần. Cũng như các khoản vay khác, khoản vay của ông Nguyễn Chí K với lãi suất cao như vậy thì không có cơ hội trả lãi chứ chưa nói gì đến trả gốc. Từ đó, ông đã ban hành các công văn số 0812121/CV-KT ngày 08/12/2012, công văn số 040113/CV-KT ngày 04/01/2013, công văn số 180313/CV-KT ngày 18/03/2013, công văn số 19080313/CV-KT ngày 19/8/2013 trình bày khó khăn và đề nghị điều chỉnh mức lãi suất cho phù hợp với điều kiện kinh doanh của Công ty.

Trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đào Trọng C: Ông đảm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của Công ty từ ngày 25/10/2014 đến ngày 19/9/2017. Khi bàn giao chức danh người đại diện theo pháp luật, ông Đào Trọng C đã ký biên bản xác nhận bàn giao nguyên trạng quyền và nghĩa vụ của Công ty do người tiền nhiệm bàn giao lại theo quy định của Công ty và pháp luật, trong đó có đề cập đến khoản vay của ông Nguyễn Chí K. Tuy nhiên, khoản vay đó đúng hay sai, có hay không ông không chứng kiến và không chịu trách nhiệm. Trong thời gian ông làm Tổng Giám đốc đã nhiều lần nhận được điện thoại của ông Nguyễn Chí K về việc yêu cầu Công ty thanh toán khoản nợ cũ của ông Nguyễn Chí K và sau này ông có ký các công văn số 0602151/CV-KT ngày 06/02/2015, công văn số 1507151/CV-KT ngày 15/7/2015 gửi ông Nguyễn Chí K với nội dung đề nghị giảm lãi suất. Các số liệu chi trả tiếp theo trong thời gian ông làm Tổng Giám đốc thì cũng chỉ là nguyên tắc kế thừa quyền và nghĩa vụ không làm phát sinh thêm mâu thuẫn gì và được lưu tại phòng Tài chính kế toán của Công ty là đúng.

Trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L:
Năm 2012 bà nhận nhiệm vụ kế toán trưởng Công ty nên không biết việc thỏa thuận vay vốn giữa Công ty và ông Nguyễn Chí K vào năm 2011. Khi làm việc tại Công ty bà có thấy ông Nguyễn Chí K dẫn một số người đến đòi nợ, dưới sức ép đòi nợ ông Nguyễn Tiến L nguyên tổng giám đốc Công ty lúc đó và bà phải ký vào biên bản nhận nợ nhưng không biết chính xác Công ty còn nợ ông Nguyễn Chí K bao nhiêu, đến năm 2016 Công ty chấm dứt việc trả nợ cho ông Nguyễn Chí K.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2019/DS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2019 Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; khoản 1, khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 116; Điều 119; Điều 274; Điều 280; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chí K, buộc Công ty Cổ phần T phải trả cho ông Nguyễn Chí K tổng số tiền còn nợ là: 2.715.168.940 đồng, trong đó bao gồm: Tiền nợ gốc là: 1.477.200.000 đồng và tiền nợ lãi là: 1.237.968.940 đồng. Kể từ ngày 25/12/2019 cho đến khi thi hành án xong, Công ty Cổ phần T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Công ty Cổ phần T phải chịu 86.303.379 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 57.400.000 đồng thể hiện tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009311 ngày 16/8/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/01/2020, Công ty Cổ phần T là bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc theo Biên bản chốt công nợ ngày 12/10/2012 và tiền lãi của số tiền vay theo mức lãi suất theo quy định.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Thừa nhận số tiền gốc Công ty đã vay của ông Nguyễn Chí K là 3.720.000.000 đồng. Công ty đã trả được các khoản tiền theo bảng tổng hợp dòng tiền mà ông Nguyễn Chí K và

Công ty đã đối chiếu với nhau. Công ty đã trả đủ thậm chí trả thừa tiền cho ông Nguyễn Chí K. Nếu ông Nguyễn Chí K yêu cầu Công ty trả tiếp thì Công ty đề nghị hủy bản án sơ thẩm vì các lý do: Thỏa thuận vay vốn là vô hiệu do vi phạm nghị quyết của Hội đồng quản trị của Công ty về đối tượng cho vay – ông Nguyễn Chí K là cháu ruột ông Lê Mạnh H, về lãi suất cho vay là quá cao vi phạm Điều 108, 120 Luật Doanh nghiệp và Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng pháp luật không đúng, không áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao khi giải quyết làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan điểm của Kiểm sát viên đối với kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn sửa bản án sơ thẩm do áp dụng pháp luật không đúng, không áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005, không áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, tính lãi suất không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền gốc vay là 1.477.200.000 đồng theo biên bản chốt công nợ và tiền lãi còn phải trả là 635.235.000 đồng theo mức lãi suất quá hạn là 13,5%/năm. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định và trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có địa chỉ tại huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng nên căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Ngày 18/7/2016 là ngày cuối cùng bị đơn trả tiền cho nguyên đơn, ngày 13/8/2018 nguyên đơn nộp đơn khởi kiện, áp dụng Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015 vụ án còn thời hiệu khởi kiện.

[2] Về áp dụng pháp luật: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án là không đúng. Vì, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định giao dịch dân sự đang được thực hiện mà có nội dung, hình thức khác với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11. Giao dịch vay tiền của các bên thỏa thuận về lãi

suất không phù hợp quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng Luật Doanh nghiệp và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm khi giải quyết là sai và thiếu sót.

[3] Về người tham gia tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Lê Mạnh H, ông Nguyễn Tiến L, ông Đào Trọng C, bà Nguyễn Thị L là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng không đánh giá phân tích các ông bà nêu trên có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án như thế nào là không đúng. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của bị đơn đề nghị hủy bản án sơ thẩm vì cấp sơ thẩm đưa thiếu người tham gia tố tụng là chủ tịch hội đồng quản trị Công ty. Tuy nhiên, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 21/9/2017 thì người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần T là ông Nguyễn Văn Đ như Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định là đúng.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn về số tiền vay: Biên bản Hội đồng quản trị công ty về huy động vốn số 0909091/BB-HĐQT ngày 09/9/2009 của Công ty thể hiện Hội đồng quản trị đã quyết nghị huy động thêm vốn từ nguồn nội bộ của CBCNV trong Công ty, trả lãi suất theo lãi suất cho vay tại từng thời điểm của Ngân hàng Công thương Việt Nam. Số lượng huy động vốn không hạn chế. Giao cho Giám đốc công ty triển khai cụ thể. Theo đó, thỏa thuận vay vốn số 140911/TTVV ngày 06/9/2011, ông Nguyễn Chí K cho Công ty vay tổng số tiền là 3.720.000.000 đồng để phục vụ hoạt động kinh doanh, thời gian cho vay tối đa 03 tháng/lần kể từ ngày bên vay nhận được tiền, lãi suất tiền vay 6%/tháng, thời hạn trả lãi vào cuối kỳ thanh toán, mục đích sử dụng tiền vay phục vụ vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh, giải ngân bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của bên vay, trường hợp chuyển khoản thì phí chuyển tiền do bên vay chịu. Thực hiện thỏa thuận vay vốn, nguyên đơn đã 09 lần cho bị đơn vay tiền tại các giấy nhận nợ ngày 12/9/2011 số tiền 750.000.000 đồng và ngày đến hạn trả nợ là ngày 13/12/2011; ngày 15/9/2011 số tiền 400.000.000 đồng và ngày đến hạn trả nợ là ngày 16/12/2011; ngày 29/9/2011 số tiền 300.000.000 đồng và ngày đến hạn trả nợ là ngày 30/12/2011; ngày 04/10/2011 số tiền 500.000.000 đồng và ngày đến hạn trả nợ là ngày 05/01/2012; ngày 06/10/2011 số tiền 200.000.000 đồng và ngày đến hạn trả nợ là ngày 07/01/2012; ngày 07/10/2011 số tiền 500.000.000 đồng và ngày đến hạn trả nợ là ngày 08/01/2012; ngày 08/10/2011 số tiền 500.000.000 đồng và ngày đến hạn trả nợ là ngày 09/01/2012; ngày 28/10/2011 số tiền 250.000.000 đồng và ngày đến hạn trả nợ là ngày 29/01/2012; ngày 14/11/2011 số tiền 320.000.000 đồng và ngày đến hạn trả nợ là ngày 15/02/2012. Tổng số tiền nguyên đơn cho bị đơn vay là 3.720.000.000 đồng. Các đương sự đều thừa nhận người cho Công ty vay theo thỏa thuận vay vốn là cháu, gọi ông Lê Mạnh H là cậu ruột không vi phạm nghị quyết của Hội

đồng quản trị vì nghị quyết không chỉ bó hẹp đối tượng huy động thêm vốn “từ CBCNV” mà là “từ nguồn nội bộ của CBCNV”. Ngoài ra, bị đơn thừa nhận khoản tiền vay đã được hạch toán trong sổ sách kế toán của Công ty. Bên cạnh đó, dù nhiều lần thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty, nhưng đều thừa nhận khoản vay nguyên đơn. Do vậy, bị đơn cho rằng thỏa thuận vay vốn vô hiệu do vi phạm đối tượng cho vay là không có cơ sở. Theo các trình bày của đương sự số tiền vay không thống nhất, khi thì 3.720.000.000 đồng, khi thì 3.719.828.400 đồng vì nếu tiền vay được chuyển khoản thì sẽ phải trả phí chuyển khoản nên phí chuyển khoản trừ vào tiền vay. Tuy nhiên, thỏa thuận vay vốn thể hiện trường hợp chuyển khoản thì phí chuyển tiền do bên vay chịu. Toàn bộ khoản tiền bị đơn vay đều đã được hạch toán trong hệ thống sổ sách kế toán của Công ty. Thỏa thuận vay vốn, các giấy nhận nợ được ký giữa bị đơn và nguyên đơn có nội dung về khoản tiền vay và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật được các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự tự nguyện tham gia, ký kết, thể hiện ý chí của các bên nên phát sinh hiệu lực và ràng buộc quyền, nghĩa vụ đối với các hai bên. Do đó, có đủ căn cứ để xác định Công ty vay ông Nguyễn Chí K số tiền 3.720.000.000 đồng, phù hợp với Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 112, Điều 113, Điều 120 Luật Doanh nghiệp năm 2005. Nếu trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền đòi nợ, phù hợp với các điều 280, 283, 290 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Quá trình thực hiện thỏa thuận vay vốn, các bên đã có nhiều biên bản đối chiếu công nợ với số tiền nợ gốc và tiền lãi khác nhau. Đồng thời, hiện nay các bên không thống nhất về số liệu tính toán. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào biên bản đối chiếu công nợ ngày 10/10/2012 để buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc như Biên bản đối chiếu công nợ là chưa đủ cơ sở.

[5] Xét kháng cáo của bị đơn về mức lãi suất: Thỏa thuận vay vốn về mức lãi suất 6%/tháng không phù hợp với Biên bản Hội đồng quản trị của Công ty về huy động vốn số 0909091/BB-HĐQT ngày 09/9/2009, không phù hợp với quy định tại Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005. Mặc dù Công ty có nhiều văn bản đề nghị trả nguyên đơn với mức lãi suất 2%/tháng nhưng các bên không có một thỏa thuận chung về việc thay đổi mức lãi suất nên không có căn cứ để chấp nhận mức lãi suất thay đổi là 2%/tháng. Do vậy, áp dụng khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm để giải quyết, cụ thể, gồm: Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả theo lãi suất thỏa thuận nhưng không vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm xác lập hợp đồng tương ứng với thời gian vay chưa trả lãi. Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 về mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì mức lãi suất cơ bản là

9,0%/năm; Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng 03 mức lãi suất: Trước ngày 10/10/2012 mức lãi suất 6%/tháng; từ ngày 11/10/2012 đến ngày 18/7/2016 mức lãi suất 2%/tháng và từ ngày 19/7/2016 đến hết ngày 24/12/2019 mức lãi suất là 150% của mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định là không có cơ sở, vi phạm quy định của pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Vậy, kháng cáo của bị đơn đề nghị áp dụng Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Do các bên thỏa thuận mức lãi suất cao hơn mức quy định như phân tích ở phần [5] nên mức lãi suất, lãi trên nợ gốc trong hạn, lãi trên nợ gốc quá hạn vượt quá không có hiệu lực. Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình có BẢNG TỔNG HỢP DÒNG TIỀN trong đó có các nội dung ngày tháng năm, nội dung, dự nợ, dư có, ghi chú, số tiền. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không thừa nhận chữ ký trong văn bản này, các đương sự cũng không cung cấp được bản chính tài liệu này. Bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào khác liên quan đến vụ án. Tuy nhiên, tại giai đoạn sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất với nhau hầu hết các khoản tiền vay/trả trong BẢNG TỔNG HỢP DÒNG TIỀN này, chỉ có 03 khoản theo bị đơn cho rằng Công ty đã trả nhưng nguyên đơn không thừa nhận là khoản tiền 500.000.000 đồng theo bị đơn trả vào ngày 22/9/2011, khoản tiền 1.089.828.400 đồng theo bị đơn trả vào ngày 13/12/2011 và khoản tiền 105.000.000 đồng theo bị đơn trả vào ngày 31/10/2011. Đối với khoản tiền mà bị đơn cho rằng đã trả nguyên đơn là 1.089.828.400 đồng vào ngày 13/12/2011 và 105.000.000 đồng vào ngày 31/10/2011 nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh nguyên đơn đã nhận tiền nên không có căn cứ chấp nhận bị đơn đã trả. Khoản tiền 500.000.000 đồng vào ngày 22/9/2011, có 02 phiếu chi với hình thức khác nhau trong đó có 01 phiếu chi nguyên đơn thừa nhận có chữ ký của nguyên đơn, 01 phiếu chi không có chữ ký của nguyên đơn nên xác định ngày 22/9/2011 bị đơn trả nguyên đơn 500.000.000 đồng. Các khoản tiền khác bị đơn đã trả được liệt kê trong BẢNG TỔNG HỢP DÒNG TIỀN các bên thống nhất nên được chấp nhận. Như vậy, xác định tổng số tiền bị đơn vay của nguyên đơn nhiều lần là 3.720.000.000 đồng. Thời hạn cuối cùng mà bị đơn phải trả nợ là ngày 14/02/2012. Như đã phân tích ở phần [5], tiền lãi trên nợ gốc trong hạn bị đơn phải trả tính theo công thức: Tiền lãi trên nợ gốc từng lần trong hạn chưa trả = (nợ gốc chưa trả) x (lãi suất theo thỏa thuận được chấp nhận 13,5%/năm tương ứng 1,125%/tháng) x (thời gian vay chưa trả lãi trên nợ gốc) là 160.826.625 đồng. Lãi trên nợ gốc quá hạn phải trả tính theo công thức: Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (nợ gốc quá hạn chưa trả) x (lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ 09%/năm, tương ứng với

0,75%/tháng) x (thời gian chậm trả nợ gốc) từ ngày 15/02/2012 đến ngày 18/7/2016 là 377.264.086 đồng. Do các bên thỏa thuận tiền lãi được trả vào cuối kỳ thanh toán nên các khoản tiền mà bị đơn đã trả khi chưa hết thời hạn vay được trừ vào khoản tiền nợ gốc, các khoản còn lại đã trả khi đã hết thời hạn vay được tính trừ vào trả khoản tiền lãi trong hạn chưa trả và tiền lãi quá hạn chưa trả tương ứng, trường hợp còn dư thì trả vào tiền gốc. Do vậy phải tính lại số tiền đã vay/trả chứ không tính khoản gốc vay theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 10/10/2012. Từ ngày 15/02/2012 đến ngày 18/7/2016 (ngày bị đơn trả tiền cuối cùng) bị đơn đã trả được 1.464.668.000 đồng, trừ vào tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn phải trả nêu trên thì còn 926.577.290 đồng số tiền này được trừ vào tiền gốc 2.159.000.000 đồng nên tiền nợ gốc còn 1.232.422.711 đồng. Theo đó tính đến ngày 18/7/2016 tiền nợ gốc bị đơn còn nợ nguyên đơn là 1.232.422.711 đồng, sau ngày 18/7/2016 bị đơn không trả khoản tiền nào nên tiền nợ gốc vẫn giữ nguyên đến nay. Tính từ ngày 18/7/2016 đến ngày 24/12/2019 (ngày xét xử sơ thẩm) tiền lãi quá hạn lũy kế là 377.264.086 đồng. Vậy tổng số tiền gốc và lãi quá hạn bị đơn còn nợ nguyên đơn là 1.609.686.796 đồng, trong đó nợ gốc 1.232.422.711 đồng và nợ lãi quá hạn là 377.264.086 đồng.

[7] Như đã phân tích ở các phần trên, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng pháp luật không đúng, áp dụng mức lãi suất không đúng. Do đó, có căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm bị kháng cáo nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 280, Điều 283, Điều 290, Điều 471, Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 112, Điều 113, Điều 120 Luật Doanh nghiệp năm 2005; Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty Cổ phần T, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 28/2019/DS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chí K, buộc Công ty Cổ phần T phải trả cho ông Nguyễn Chí K tính đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền 1.609.686.796 đồng (một tỷ sáu trăm linh chín triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn bảy trăm chín mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc 1.232.422.711 đồng và nợ lãi quá hạn là 377.264.086 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong Công ty Cổ phần T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Trả lại ông Nguyễn Chí K số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 57.400.000 đồng (năm mươi tư triệu bốn trăm trăm nghìn đồng) thể hiện tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009311 ngày 16/8/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Công ty Cổ phần T phải chịu 60.290.600 đồng (sáu mươi triệu hai trăm chín mươi nghìn sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm; Công ty Cổ phần T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm mà Công ty Cổ phần T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003376 ngày 08 tháng 01 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; Công ty Cổ phần T còn phải nộp số tiền 59.990.600 đồng (năm mươi chín triệu chín trăm chín mươi nghìn sáu trăm đồng).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Anh sơn

